



RESEARCH
PROGRAM ON
Livestock

More meat, milk and eggs by and for the poor



CÁC GIỐNG LỢN VÀ CÔNG TÁC GIỐNG LỢN TÀI LIỆU CHO NGƯỜI CHĂN NUÔI LỢN

Huyen Le Thi¹ and Karen Marshall²

¹National Institute of Animal Science, Vietnam

²International Livestock Research Institute




©2020

The Program thanks all donors and organizations which globally support its work through their contributions to the [CGIAR Trust Fund](#).



This publication is copyrighted by the International Livestock Research Institute (ILRI). It is licensed for use under the Creative Commons Attribution 4.0 International Licence. To view this licence, visit <https://creativecommons.org/licenses/by/4.0>.

Unless otherwise noted, you are free to share (copy and redistribute the material in any medium or format), adapt (remix, transform, and build upon the material) for any purpose, even commercially, under the following conditions:

 **ATTRIBUTION.** The work must be attributed, but not in any way that suggests endorsement by ILRI or the author(s).

NOTICE:

For any reuse or distribution, the licence terms of this work must be made clear to others.

Any of the above conditions can be waived if permission is obtained from the copyright holder.

Nothing in this licence impairs or restricts the author's moral rights.

Fair dealing and other rights are in no way affected by the above.

The parts used must not misrepresent the meaning of the publication.

ILRI would appreciate being sent a copy of any materials in which text, photos etc. have been used.

Nội dung

CÁC GIỐNG LỢN VÀ CÔNG TÁC GIỐNG LỢN	1
TÀI LIỆU CHO NGƯỜI CHĂN NUÔI LỢN	1
MỘT SỐ GIỐNG LỢN TẠI VIỆT NAM.....	5
I. Một số giống lợn nhập ngoại	5
1.1. Một số giống lợn có nguồn gốc Đan Mạch:	5
Lợn Landrace Đan Mạch	5
Lợn Yorkshire Đan Mạch.....	5
1.2. Lợn Landrace, Yorkshire, Duroc và Pietrain từ nguồn gốc từ GENPLUS của Pháp:	6
Lợn Landrace Pháp.....	6
Lợn Yorkshire Pháp	6
Lợn Duroc Pháp.....	7
Lợn Pietrain Pháp.....	7
1.3. Lợn Landrace và Yorkshire có nguồn gốc từ công ty CEDAR RIDGE GENETICS của Mỹ.....	8
Landrace Mỹ	8
Yorkshire Mỹ.....	9
1.4. Các giống có nguồn gốc từ Canada: Lợn Duroc từ Hypor của Canada	9
Lợn Duroc dòng chất lượng thịt cao	9
Lợn Duroc dòng sinh trưởng cao	10
1.5. Giống lợn VCN-MS15	10
II. Một số giống lợn nội ở miền Bắc	11
Lợn Móng Cái.....	11
Lợn Bản	11
Lợn Hạ Lang	12
Lợn Hưng.....	13
Lợn Hương	13
Lợn Lũng Pù	14
Lợn Táp Ná.....	14
Lợn Mường Khương.....	15
Lợn Lang Hồng	15
KỸ THUẬT CHỌN GIỐNG LỢN	16
1. Tầm quan trọng của con giống	16

2.	Nhân giống thuần	16
3.	Giao phối cận huyết.....	16
4.	Lai giống.....	17
	<i>Các phương pháp lai:</i>	17
5.	Kỹ thuật chọn lọc cái hậu bị	19
	<i>Tiêu chuẩn chọn</i>	19
	<i>Các thời điểm chọn</i>	20
	<i>Kỹ thuật chọn lọc nái Bản hậu bị (lợn nội)</i>	20
6.	Kỹ thuật chọn lọc đực giống.....	22
	<i>Tiêu chuẩn chọn</i>	22

MỘT SỐ GIỐNG LỢN TẠI VIỆT NAM

I. Một số giống lợn nhập ngoại

1.1. Một số giống lợn có nguồn gốc Đan Mạch:

- Lợn có năng suất sinh sản và sinh trưởng khá tốt.
- Nhược điểm: thân lợn ngắn, nhu cầu thức ăn có mật độ dinh dưỡng cao, chưa phù hợp với yêu cầu chăn nuôi nông hộ.

Lợn Landrace Đan Mạch



Đặc điểm ngoại hình:

Lợn có màu trắng, đầu nhỏ, dài, tai to dài rủ xuống kín mắt, cổ nhỏ và dài, thân hình ngắn.

Năng suất:

- Khả năng sinh sản cao.
- Lợn đực: Tăng khối lượng ≥ 850 g/ngày; Tỷ lệ nạc $\geq 59\%$; Tiêu tốn thức ăn $\leq 2,6$ kg.
- Lợn nái: sơ sinh còn sống/nái/năm ≥ 27 con.

Các nhà cung cấp giống tại Việt Nam:

Công ty CP phát triển Nông nghiệp Hoà Phát.

Lợn Yorkshire Đan Mạch



Đặc điểm ngoại hình

Toàn thân màu trắng, tai mỏng đứng thẳng hoặc hơi hướng về phía trước, thân hình ngắn.

Năng suất

- Khả năng sinh sản cao.
- Lợn đực: Tăng khối lượng ≥ 850 g/ngày; Tỷ lệ nạc $\geq 59\%$; Tiêu tốn thức ăn $\leq 2,6$ kg.

- Lợn nái: SCCS/nái/năm ≥ 27 con.

Các nhà cung cấp giống tại Việt Nam: Công ty CP phát triển Nông nghiệp Hoà Phát.

1.2. Lợn Landrace, Yorkshire, Duroc và Pietrain từ nguồn gốc từ GENPLUS của Pháp:

Lợn trường mình, có 16–18 vú.

Lợn đã được nhân thuần, chọn lọc tăng qui mô đàn cụ kỵ và sản xuất giống ông bà.

Giống lợn Pháp nổi tiếng về khả năng sinh sản.

Lợn Landrace Pháp



Đặc điểm ngoại hình

Lợn có màu trắng, đầu nhỏ, dài, tai to dài rủ xuống kín mắt, cổ nhỏ và dài, trường mình, có 16–18 vú

Năng suất

- Khả năng sinh sản cao và khả năng sinh trưởng tốt.

- Lợn đực: Tăng khối lượng ≥ 900 g/ngày; Tỷ lệ nạc $\geq 59\%$; Tiêu tốn thức ăn $\leq 2,6$ kg.

- Lợn nái: SCCS/nái/năm ≥ 28 con.

Các nhà cung cấp giống tại Việt Nam:

Trung tâm Nghiên cứu lợn Thụy Phương – Viện Chăn nuôi; Công ty cổ phần giống gia súc Hà Nội.

Lợn Yorkshire Pháp



Đặc điểm ngoại hình

Toàn thân màu trắng, tai mỏng đứng thẳng hoặc hơi hướng về phía trước, vai đầy đặn, ngực sâu rộng, lưng hông rộng, mình dài, bốn chân to khỏe, đùi to tròn, móng chân chắc chắn.

Năng suất

- Khả năng sinh sản cao và khả năng sinh trưởng tốt.
- Lợn đực: Tăng khối lượng ≥ 900 g/ngày; Tỷ lệ nạc $\geq 59\%$; Tiêu tốn thức ăn $\leq 2,6$ kg.
- Lợn nái: SCCS/nái/năm ≥ 28 con.

Các nhà cùng cấp giống tại Việt Nam: Trung tâm Nghiên cứu lợn Thụy Phương – Viện Chăn nuôi; Công ty cổ phần giống gia súc Hà Nội.

Lợn Duroc Pháp



Đặc điểm ngoại hình

Toàn thân có màu hung đỏ hoặc nâu sẫm, đầu to vừa phải, mõm dài, tai rủ, cổ nhỏ và dài, mình dài, vai-lưng-mông-đùi rất phát triển.

Năng suất

- Khả năng sinh trưởng cao và tỷ lệ nạc cao.
- Lợn đực: Tăng khối lượng ≥ 1000 g/ngày; Tỷ lệ nạc $\geq 61\%$; Tiêu tốn thức ăn $\leq 2,5$ kg.
- Lợn nái: SCCS/nái/năm ≥ 22 con.

Các nhà cùng cấp giống tại Việt Nam: Trung tâm Nghiên cứu lợn Thụy Phương – Viện Chăn nuôi.

Lợn Pietrain Pháp



Đặc điểm ngoại hình

Lông và da có những đốm màu sẫm đen và trắng không đều trên toàn thân, tai đứng, mông vai rất phát triển, trường mình. Thân hình vững chắc, cân đối.

Năng suất

- Tỷ lệ nạc cao.
- Lợn đực: Tăng khối lượng ≥ 950 g/ngày; Tỷ lệ nạc $\geq 63\%$; Tiêu tốn thức ăn $\leq 2,5$ kg.
- Lợn nái: SCCS/nái/năm ≥ 22 con.

Các nhà cung cấp giống tại Việt Nam: Trung tâm Nghiên cứu lợn Thụy Phương – Viện Chăn nuôi.

1.3. Lợn Landrace và Yorkshire có nguồn gốc từ công ty CEDAR RIDGE GENETICS của Mỹ.

Lợn có đặc điểm trường mình, chân vững chắc.

Lợn đã nhân thuần, chọn lọc tăng qui mô đàn cụ kỹ và sản xuất giống ông bà.

Giống lợn Mỹ là các giống có khả năng sinh trưởng cao

Landrace Mỹ



Đặc điểm ngoại hình

Lợn có màu trắng, đầu nhỏ, dài, tai to dài rủ xuống kín mắt, cổ nhỏ, trường mình, mông vai phát triển.

Năng suất

- Khả năng sinh trưởng tốt.
- Lợn đực: Tăng khối lượng ≥ 980 g/ngày; Tỷ lệ nạc $\geq 60\%$; Tiêu tốn thức ăn $\leq 2,5$ kg.
- Lợn nái: SCCS/nái/năm ≥ 26 con.

Các nhà cung cấp giống tại Việt Nam:

Trung tâm Nghiên cứu lợn Thụy Phương – Viện Chăn nuôi.

Yorkshire Mỹ



Đặc điểm ngoại hình

Toàn thân màu trắng, tai mỏng đứng thẳng hoặc hơi hướng về phía trước, mông vai phát triển, mình dài, bốn chân to khỏe, đùi to tròn, móng chân chắc chắn.

Năng suất

- Khả năng sinh trưởng tốt.
- Lợn đực: Tăng khối lượng ≥ 980 g/ngày; Tỷ lệ nạc $\geq 60\%$; Tiêu tốn thức ăn $\leq 2,5$ kg.
- Lợn nái: SCCS/nái/năm ≥ 26 con.

Các nhà cung cấp giống tại Việt Nam: Trung tâm Nghiên cứu lợn Thụy Phương – Viện Chăn nuôi.

1.4. Các giống có nguồn gốc từ Canada: Lợn Duroc từ Hypor của Canada

Lợn có ngoại hình đẹp và mông vai phát triển mạnh. Lợn gồm 02 dòng Kanto và Magnus.

Dòng Kanto hướng về chất lượng thịt, thịt có tỷ lệ mỡ giết cao.

Dòng Magnus hướng về sinh trưởng.

Lợn Duroc dòng chất lượng thịt cao



Đặc điểm ngoại hình

Toàn thân có màu hung đỏ hoặc nâu sẫm, đầu to vừa phải, mõm dài, tai rủ, cổ nhỏ và dài, mình dài.

Năng suất

- Khả năng sinh trưởng cao và tỷ lệ mỡ giết cao.
- Lợn đực: Tăng khối lượng ≥ 1000 g/ngày; Tỷ lệ mỡ giết $\geq 3,5\%$; Tiêu tốn thức ăn $\leq 2,5$ kg.

- Lợn nái: SCCS/nái/năm ≥ 22 con.

Các nhà cung cấp giống tại Việt Nam: Trung tâm Nghiên cứu lợn Thụy Phương – Viện Chăn nuôi.

Lợn Duroc dòng sinh trưởng cao



Đặc điểm ngoại hình

Toàn thân có màu hung đỏ hoặc nâu sẫm, đầu to vừa phải, mõm dài, tai rủ, cổ nhỏ và dài, mình dài, vai-lưng-mông-đùi rất phát triển.

Năng suất

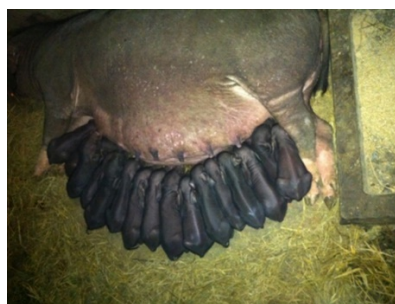
- Khả năng sinh trưởng cao và tỷ lệ nạc cao.

- Lợn đực: Tăng khối lượng ≥ 1100 g/ngày; Tỷ lệ nạc $\geq 62\%$; Tiêu tốn thức ăn $\leq 2,5$ kg.

- Lợn nái: SCCS/nái/năm ≥ 20 con.

Các nhà cung cấp giống tại Việt Nam: Trung tâm Nghiên cứu lợn Thụy Phương – Viện Chăn nuôi; Công ty Dabaco.

1.5. Giống lợn VCN-MS15



Đặc điểm ngoại hình

- Lông da đen, mặt nhăn gầy, tai to; tập tính hiền lành, chịu được điều kiện chăn nuôi kham khổ.

- Số vú nhiều: 18–20 vú, vú phát triển đều, nổi rõ.

Năng suất – sử dụng:

- Giống lợn mắn đẻ nhất trên thế giới. Lợn thành thực sớm, đẻ sai.

- Khả năng tăng trưởng chậm nhưng thịt có tỷ lệ mỡ cao và hương vị thơm ngon.

- Sử dụng lợn đực Landrace, Yorkshire và Duroc phối với lợn VCN-MS15 để tạo lợn nái nền bố mẹ.

- Số con sơ sinh sống/ổ: 15–17 con; Số con cai sữa/ổ: 14–15 con.

II. Một số giống lợn nội ở miền Bắc

Lợn Móng Cái



Đặc điểm ngoại hình:

Lợn có tầm vóc trung bình, mình ngắn, đầu đen, nếp nhăn to và ngắn ở miệng, tai nhỏ, cổ to và ngắn, ngực nở và sâu, lưng dài và hơi võng, bụng hơi xệ, mông rộng và xuôi, bốn chân tương đối cao thẳng, móng xoè. chân đi bàn. Nét đặc trưng nhất là màu lông đen hình yên ngựa ở phần lông đen còn lại trên lưng. Lợn có 12–16 vú.

Năng suất:

Tuổi phối giống lần đầu lúc 7–8 tháng (40–50kg).

Số con sơ sinh: 10–14 con/lứa; 1.2–2 lứa/ nái/ năm.

Tỷ lệ nạc thấp: 34–36%.

Nguồn gốc và phân bố:

Vùng Hà Cối (huyện Đầm Hà), Tiên Yên (Đông Triều) tỉnh Quảng Ninh.

Phân bố rộng lan truyền khắp toàn quốc. Đặc biệt các tỉnh miền Bắc và Bắc Trung Bộ như Bắc Giang, Nghệ An.

Lợn Bản



Đặc điểm ngoại hình:

Lợn có tầm vóc nhỏ, khi trưởng thành đạt 45–50 kg/con, thân hình gọn và chắc chắn; bụng không sệ, có 7–8 vú; mình ngắn, tai nhỏ dựng đứng, lưng thẳng hoặc hơi võng; lông đen, dài và

cứng; da đen tuyền; chân nhỏ, đi móng, bốn móng chân màu trắng từ khuỷu chân xuống đến móng; mặt nhỏ, mõm dài nhọn

Năng suất:

Năng suất sinh sản kém. Tuổi phối giống lần đầu là 208,02 ngày khi lợn đạt 32,80 kg. Tuổi đẻ lứa đầu là 13 tháng tuổi. Số con đẻ ra 5,58–9,06 con/ổ. Số con sơ sinh sống 6,53–7,10 con/ổ. Số con cai sữa 5,63–6,76 con/ổ. Khối lượng sơ sinh 0,42–0,44 kg/con. Khoảng cách giữa 2 lứa đẻ 241 – 247 ngày.

Tỷ lệ nạc: 43%

Nguồn gốc và phân bố:

Các huyện miền núi như Mai Sơn, Thuận Châu (tỉnh Sơn La), Điện Biên Đông, Tủa Chùa, Mường Nhé (tỉnh Điện Biên). Các huyện vùng núi cao của tỉnh Hòa Bình, trong đó chủ yếu tập trung ở Đà Bắc, Cao Phong, Lạc Sơn, Mai Châu, Tân Lạc.

Lợn Hạ Lang



Đặc điểm ngoại hình

Lợn Hạ Lang có nhiều nét giống lợn Móng Cái, có da bụng màu trắng, 4 chân trắng, giữa trán nhiều con cũng có điểm màu trắng nhưng hình nêm cối không rõ. Lợn Hạ Lang có khoang đen trải dài từ vai hoặc giữa lưng đến mông không ổn định. Lợn có đầu to vừa phải, mõm ngắn tròn, tai hơi rủ cúp xuống, lưng võng, bụng to nhưng không chạm đất, chân to, ngắn và chắc khỏe, số vú có từ 10 đến 12 vú.

Năng suất, hướng sử dụng

Khả năng sinh sản và nuôi con tốt, 11–16 con sơ sinh /lứa.

Khả năng nuôi con khéo nên được chọn tạo phối giống với lợn ngoại để tạo ra con lai F1 theo hướng tỷ lệ nạc cao.

Phân bố:

Huyện Hạ Lang và Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

Lợn Hung



Đặc điểm ngoại hình

Lợn Hung có màu lông hung bạc ánh kim hoặc lông Hung đỏ, lưng thẳng hoặc hơi võng, tai nhỏ dựng đứng, mõm dài, nhọn, bụng thon, mắt nâu đỏ; 10–12 vú.

Năng suất

Khả năng sinh sản thấp hơn các giống lợn nội khác.

Số con sơ sinh 6–9 con/ lứa; 1.5 lứa/ nái/ năm

Phân bố:

Tại các huyện Bắc Mê, Hoàng Su Phì và Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

Lợn Hương



Đặc điểm ngoại hình

Lợn có lông, da màu trắng, ở phần đầu và phần mông có màu đen, vị trí tiếp giáp vùng lông trắng và lông đen có một vệt đen mờ. Đầu to vừa phải, tai nhỏ và dựng, mặt thẳng, mõm dài, có vệt trắng chạy từ giữa trán xuống mõm, bụng thon gọn và không sệ, lưng tương đối thẳng và không võng, có 8–12 vú, thường là 10 vú. Thịt lợn Hương có mùi thơm đặc trưng.

Năng suất

Tuổi đẻ lứa đầu 11–12 tháng, số con sơ sinh sống 5–11 con/ổ, số con cai sữa 7,25 con/ổ.

Khối lượng trưởng thành lúc 8 tháng tuổi đạt 39,62 kg/con (35–40 kg); tỷ lệ thịt xẻ đạt 74,7%, tỷ lệ thịt nạc/thịt xẻ đạt 46,5%,

Tiêu tốn thức ăn cho 1 kg tăng trọng lượng cao 4,37 kg.

Phân bố:

Tại một số huyện vùng cao giáp ranh biên giới Việt–Trung của tỉnh Cao Bằng: Hòa An, Bảo Lạc, Bảo Lâm, Hạ Lang và cũng được nuôi phổ biến ở vùng đó.

Lợn Lũng Pù**Đặc điểm ngoại hình**

Lợn có tầm vóc to lớn, nuôi 10–12 tháng tuổi có thể đạt 80-90kg, lông đen dày và ngắn, da thô, tai nhỏ cúp, mõm dài trung bình, có hai loại hình, một loại 4 chân trắng, có đốm trắng ở trán, mõm. Một loại đen tuyền lợn nái trung bình có 10 vú.

Năng suất

Bình quân đẻ 1,5–1,6 lứa/năm.

Tỷ lệ thịt nạc tương đương với các giống lợn nội Việt Nam, trung bình là 37,77%.

Phân bố:

Huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang

Lợn Táp Ná**Đặc điểm ngoại hình**

Lông và da đen, ngoại trừ có 6 điểm trắng (giữa trán, 4 cẳng chân, ở chóp đuôi); đầu to, tai rủ cúp, bụng to nhưng không sệ; chân cao, to và chắc khỏe; lưng ít võng, mặt thẳng; lợn nái có từ 8-12 vú thông thường là 10 vú.

Năng suất: Không có thông tin

Phân bố:

Tại các huyện vùng núi Bảo Lạc và Thông Nông của tỉnh Cao Bằng và một số tỉnh lân cận.

Lợn Mường Khương



Đặc điểm ngoại hình

Lông da đen tuyền hoặc đen có đốm trắng ở đầu đuôi và ở chân, lông thưa và mềm, mõm dài thẳng hoặc hơi cong, trán nhẵn, tai to hơi cúp rũ về phía trước. Lợn có tầm vóc to, nhưng lép người, bốn chân to cao vững chắc, lưng không thẳng nhưng cũng không võng lắm, bụng to nhưng không sệ sát đất, mông hơi dốc.

Năng suất

5–7 con/lứa; 1–1,2 lứa/năm; lợn nuôi 10 tháng tuổi đạt 70–75kg.

Hướng sử dụng tạo nguồn gen lai với lợn Rừng, lợn ngoại cải thiện tỷ lệ nạc.

Phân bố:

Vùng trung du Bắc Bộ, nuôi nhiều ở tỉnh Lào Cai, nhiều nhất là ở huyện Mường Khương.

Lợn Lang Hồng



Đặc điểm ngoại hình

Là nhóm lợn lai từ lợn Móng Cái với lợn địa phương. Lợn Lang Hồng đầu đen, giữa trán có điểm trắng hình tam giác, giữa tai và cổ có khi rộng đến vây có một dải trắng cắt ngang kéo dài đến bụng và bốn chân, lưng và mông có mảng đen kéo dài đen khấu đuôi và đùi, có khi trông giống hình yên ngựa nhưng có khi cũng chỉ là mảng đen bình thường có đường biên không cố định. Đầu to vừa phải, mõm bé và hơi dài, tai to, đứng, cúp về phía trước, cổ ngắn, lưng dài và rộng, lưng võng, có khi võng sâu tạo thành nếp nhăn từ lưng đến bụng, bụng to, võng và xệ nên hai hàng vú

thường xuyên quét đất, mông rộng và thẳng, gốc đuôi to và cao. Bốn chân vừa phải, bàn chân đi chụm khi còn non, khi lớn lên hơi choãi, móng sau có con có thể chạm đất, lông ngắn và thưa, da hơi hồng. Mõm ướt, mắt tinh nhanh, đuôi phe phẩy. Bụng có 12 vú.

Năng suất

Là loại lợn hướng mỡ.

Mẫn đẻ, khéo nuôi con, sau 8 đến 10 tháng nuôi có thể được 50–60 kg tới 100 kg.

Được dùng làm nái nền trong lai với lợn ngoại có tỉ lệ nạc cao.

Phân bố:

Có nguồn gốc tại tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang được phân bố và nuôi phổ biến ở các tỉnh đồng bằng và thung lũng hạ lưu sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam.

KỸ THUẬT CHỌN GIỐNG LỢN

1. Tầm quan trọng của con giống

Công tác giống lợn là công tác kiến thiết cơ bản trong nghề chăn nuôi lợn.

- Phẩm chất giống quyết định hướng sản xuất chăn nuôi.
- Giống tốt sẽ cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao.
- Giống thuần: Giống vật nuôi thuần chủng là giống ổn định về di truyền và năng suất; giống nhau về kiểu gen, ngoại hình và khả năng kháng bệnh.

2. Nhân giống thuần

Sự giao phối của các cá thể từ cùng một giống (động vật thuần chủng). Đời con sinh ra từ giao phối thuần chủng có đặc điểm di truyền giống nhau và cũng thuần chủng.

- Nhân giống thuần chủng được thực hiện để nhân lên các gen ưu việt / ưu tú để sử dụng trong sản xuất thương mại, đặc biệt là thông qua lai giống.
- Được sử dụng để xác định lợn cái vượt trội để duy trì vật chất di truyền có giá trị với các tính trạng ưu việt.
- Việc lai giống thuần chủng hữu ích khi sử dụng lợn thuần chủng có tính trạng ưu việt.

3. Giao phối cận huyết

Là sự giao phối giữa các cá thể cùng giống nhưng có quan hệ họ hàng gần .

- Sự giao phối này có thể là giữa những con lợn được sinh ra bởi cùng một cặp bố mẹ, hoặc lợn đực giao phối với lợn nái mẹ, hoặc lợn đực giống giao phối với một trong những con cái hậu bị là con của nó.
- Nhiều đặc điểm không mong muốn ví dụ như thoát vị, tăng trưởng kém, ốm yếu và những đặc điểm khác là kết quả của sự tổ hợp các gen lặn từ bố mẹ do giao phối cận huyết.

- Giao phối cận huyết cũng làm giảm số lứa đẻ và tăng tỷ lệ chết. Giảm kích thước lứa đẻ có thể do một số bào thai chết bên trong tử cung. Một số lợn con chết ngay sau khi đẻ do kết quả cận huyết, tuy nhiên, lưu ý rằng có những nguyên nhân khác dẫn đến lợn con chết sớm như lợn nái không có sữa và lợn con chết đói.

- Nếu lợn lai lớn lên, những con cái có thể chậm thành thực sinh dục (tức là đến tuổi sinh sản muộn); khi trưởng thành, chúng có thể đẻ rất ít trứng khi động dục và do đó đẻ ra rất ít lợn con. Lợn nái lai tạo rất ít sữa và khả năng làm mẹ kém (tức là không chăm sóc đủ lứa). Những con đực thuần chủng cũng trì hoãn việc trưởng thành tình dục và ít ham muốn hơn.

4. Lai giống

- Là sự giao phối của hai con lợn từ các giống khác nhau, do đó đưa vào thể hệ con cái, một tổ hợp gen khác với tổ hợp gen hiện có ở cả bố và mẹ.

- Việc lai giống có thể liên quan đến hai hoặc nhiều giống tùy thuộc vào kết quả mong muốn. Ví dụ, giao phối giữa Large White và Landrace, đời con sinh ra có các gen kết hợp từ hai giống và do đó có các tính trạng của cả hai giống.

- Mục đích lai giống để có ưu thế lai và tổng hợp các đặc tính vượt trội có từ các giống. Không phải tất cả các giống khi lai với nhau đều cho ưu thế lai như mong muốn mà phải xác định rõ: lai những giống nào với nhau và lai như thế nào.

Các phương pháp lai:

- Lai hai máu: lai giữa 2 giống thuần khác nhau để tạo con lai F1 nuôi thịt. Đây là phương pháp lai đơn giản nhằm nâng cao một số đặc điểm tốt ở các giống (VD: lai giữa lợn đực giống Yorkshire hoặc lợn đực Landrace với lợn nái Móng Cái để tạo đàn lợn thịt F1 có thể trọng cao, tốc độ tăng trọng nhanh, tỷ lệ thịt nạc cao hơn so với lợn thịt Móng Cái...). Mục đích của phương pháp này là sử dụng ưu thế lai tạo đàn lợn thịt thương phẩm.

- Lai 3 máu: Sử dụng 3 giống khác nhau cho lai để tạo ra lợn thịt thương phẩm 3 máu năng suất cao:

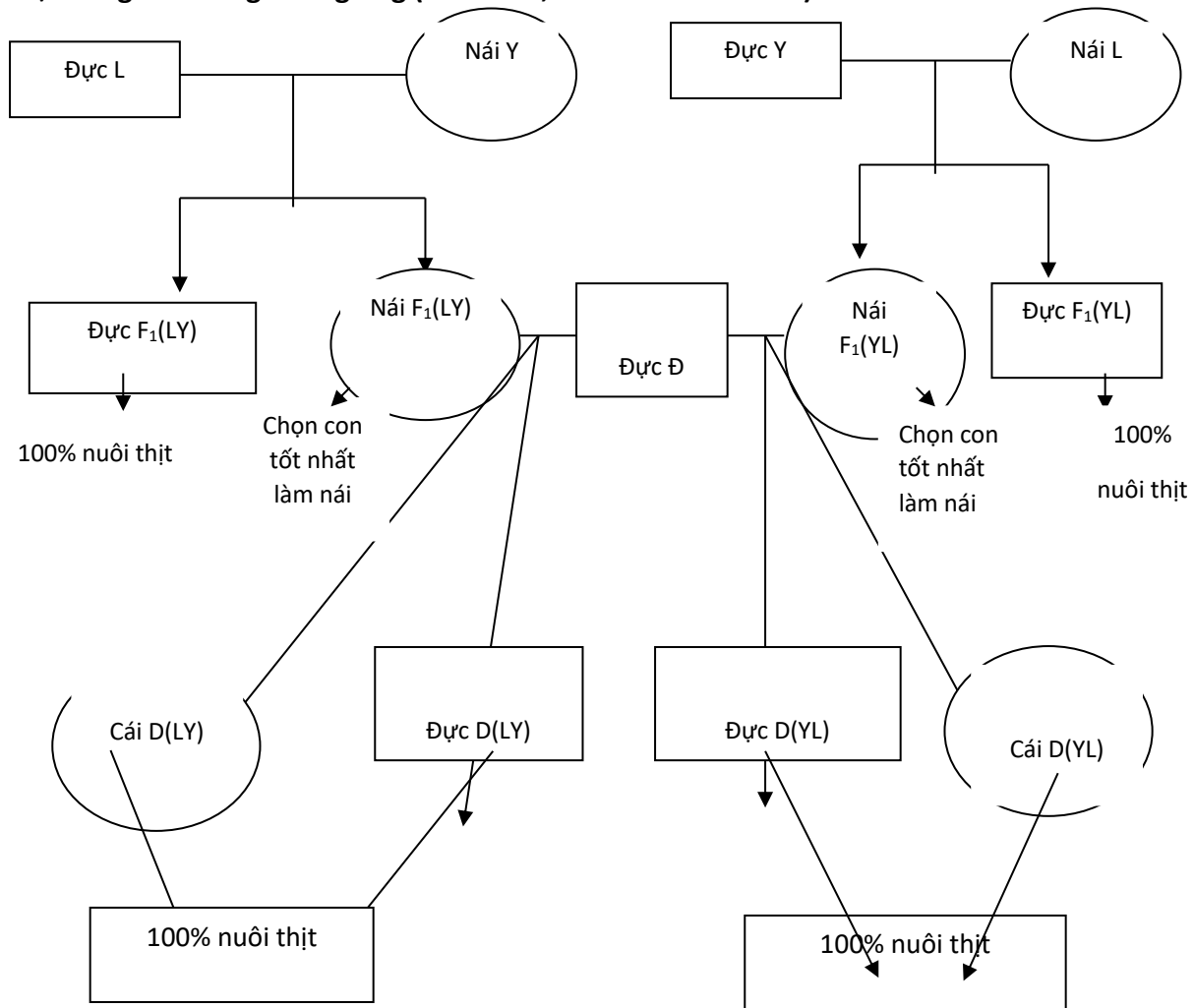
+ Nái lai F1 phải được tạo ra từ 2 giống "dòng cái" có khả năng sinh sản cao để tận dụng ưu thế lai tối đa về khả năng sinh sản.

+ Đực giống phối với lái lai F1 phải là đực được chọn lọc theo "dòng đực" để tạo ra đàn lợn thịt thương phẩm có khả năng tăng trọng cao, mức độ tiêu tốn thức ăn ít, độ dày mỡ lưng thấp, sức sống cao (đối với các giống cao sản). Đối với các giống địa phương sử dụng đực giống từ các dòng cái cũng đem lại hiệu quả tốt.

- Lai 4 máu: đây là phương pháp lai có sử dụng 4 giống thuần để tạo ra lợn thịt thương phẩm. Lợn thương phẩm là sản phẩm của 2 cặp lai F1 giữa 2 "giống thuộc dòng đực" và 2 "giống thuộc dòng cái", con lai nuôi thịt có mang máu giữa các giống. Mục đích của phương pháp này là lợi dụng ưu thế lai của cả 4 giống tham gia.

- Lai luân phiên hai máu: Sử dụng đực giống của 2 giống cố định trong chương trình lai để luân phiên với nái lai tự tạo ra trong đàn.

Ví dụ: Công thức lai giữa 3 giống (Landrace, Yorkshire và Duroc)



- Lai luân phiên 3 máu: sử dụng đực giống của 3 giống cố định trong chương trình lai để lai luân phiên với nái lai tự tạo trong trại.

Hai phương pháp lai luân phiên này có những thuận lợi và khó khăn sau:

Thuận lợi:

- + Có thể sử dụng tinh dịch của lợn đực giống một cách thuận lợi thông qua chương trình TTNT lợn.

- + Có thể sử dụng khi lợn cái hậu bị không đủ, không đáp ứng nhu cầu sản xuất.

Khó khăn: phải đầu tư quản lý con giống và quy trình phối giống một cách đầy đủ nghiêm ngặt.

- Lai cố định (lai có mục tiêu): từ năm 1980 trở lại đây các nhà sản xuất giống lợn đã nghiên cứu nhiều công thức lai với các giống lợn khác nhau để tận dụng ưu thế lai cao.

5. Kỹ thuật chọn lợn cái hậu bị

Tiêu chuẩn chọn

- Nguồn gốc:

+ Từ những cơ sở được phép cung cấp giống, có lý lịch rõ ràng.

+ Từ những cặp bố mẹ có năng suất cao.

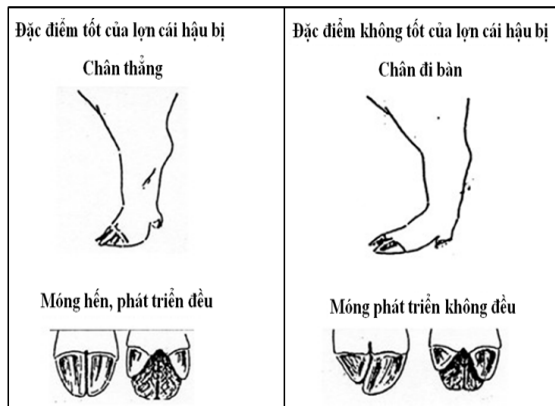
- Ngoại hình:

+ Không có khuyết tật, thân hình phát triển cân đối, khoẻ mạnh.

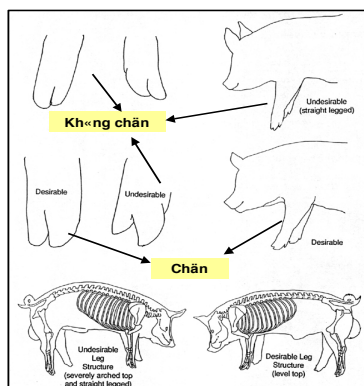
+ Lông da mịn, mỡ nỡ, 4 chân khoẻ, nhanh nhẹn.

+ Có từ 12 vú trở lên, không có vú kẹt, vú đều, lộ rõ.

+ Âm hộ phát triển bình thường, không bị dị tật .

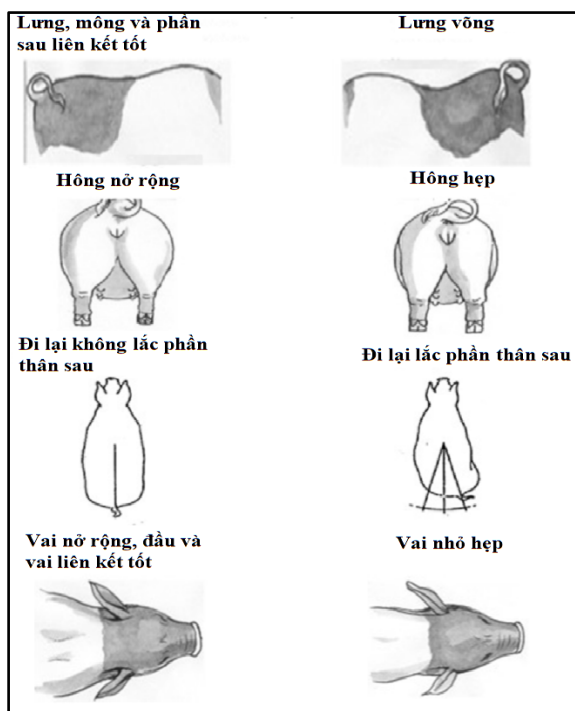


Hình . Đặc điểm chân móng tốt và không tốt của lợn cái hậu bị. (Nguồn: Giáo trình sinh sản gia súc, 2002)



C' c khuyết tật vŏch@n (Ch' X, ch' O)

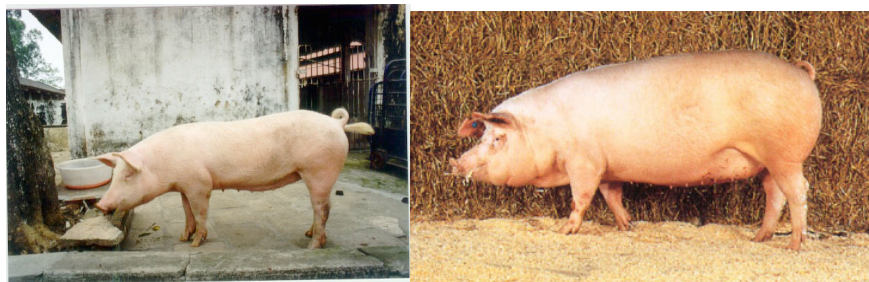
Hình : Các khuyết tật ở chân (chữ X, chữ O)



Hình . Đặc điểm ngoại hình tốt (trái) và không tốt (phải) của lợn cái hậu bị. (Nguồn: *Giáo trình Sinh sản gia súc*, 2002)

Các thời điểm chọn

- Lần 1: Lúc 2–3 tháng tuổi
- Lần 2: Khi lợn đạt trọng lượng trung bình 90 kg
- Lần 3: Khi lợn ngoài 7 tháng tuổi, chú ý chất lượng chân, móng và diễn biến quá trình động dục



Lợn nái có ngoại hình đạt yêu cầu

Kỹ thuật chọn lợn nái Bản hậu bị (lợn nội)

*** Chọn lần 1**

- Thời điểm chọn: Từ 2–3 tháng tuổi.
- Nguyên tắc chọn: Dựa vào các đặc điểm ngoại hình, thể chất và nguồn gốc.

Đặc điểm	Đạt tiêu chuẩn	Không đạt tiêu chuẩn
Ngoại hình, thể chất	- Có ngoại hình đặc trưng của giống. Ví dụ: Lợn Bản màu đen tuyền, tai nhỏ dựng đứng, chân nhỏ; Lợn Móng Cái phải có khoang trắng ở lưng hình yên ngựa và có đốm trắng ở trán....	- Ngoại hình không thể hiện đặc trưng của giống, đã bị pha tạp. Ví dụ: Lợn Bản chân to, tai to; Lợn Móng Cái không có khoang trắng ở lưng hình yên ngựa
	- To hơn ở trong đàn.	- Nhỏ, còi cọc.
	- Lông da mượt, dáng đi nhanh nhẹn, mắt tinh nhanh.	- Lông da dày, xù xì, dáng đi chậm chạp, mắt lờ đờ.
	- Không có khuyết tật.	- Có khuyết tật.
	- Thân hình cân đối, có sự liên kết hài hoà giữa các phần của cơ thể: Đầu - cổ, vai - ngực, lưng - sườn - bụng và mông.	- Thân hình không cân đối, liên kết không hài hoà.
	- Bốn chân thẳng, khoẻ, móng hén phát triển đều, không bị dị tật.	- Chân yếu, móng tõe và phát triển không đều, có dị tật.
	- Có từ 10 vú trở lên, phân bố đều	- Ít vú và phân bố không đều (núm vú dày liền nhau, hoặc cách xa nhau).
	Đầu vú lộ rõ (núm vú dài).	Có vú kẹp, vú lép, vú tịt, đầu vú chìm.
	- Âm hộ phát triển bình thường, cân đối, không có dị tật.	- Âm hộ phát triển không bình thường, quá nhỏ hoặc quá to, có dị tật.
Nguồn gốc	- Biết rõ lai lịch của bố mẹ.	- Không rõ lai lịch của bố mẹ.
	- Con của cặp bố mẹ có năng suất cao. VD: lợn Bản trên 8 con/lứa mẫn đẻ, tốt sữa; lợn MC mẹ đẻ trên 10 con/lứa, nuôi con khéo.	- Con của cặp bố mẹ có năng suất thấp, không đạt tiêu chuẩn.
	- Ở những nơi có chất lượng giống tốt và an toàn về dịch bệnh.	- Ở những nơi không rõ lai lịch về giống cũng như tình hình dịch bệnh.

*** Chọn lần 2**

- Thời điểm chọn: Khi lợn đạt tuổi phối giống (từ 7–8 tháng tuổi).
- Nguyên tắc chọn: Dựa vào các đặc điểm ngoại hình, thể chất và sinh lý động dục.

Đặc điểm	Đạt tiêu chuẩn	Không đạt tiêu chuẩn
Ngoại hình	Số vú và chất lượng vú đạt yêu cầu.	Số vú và chất lượng vú không đạt yêu cầu (như vú kẹ, núm vú không lộ rõ, vú phân bố không bình thường).
	Chân và móng phát triển bình thường.	Chân và móng phát triển không bình thường, bị bệnh về chân, móng.
	Âm hộ phát triển bình thường.	Âm hộ quá bé hoặc quá to so với đặc điểm giống hoặc bị dị tật.
	Khối lượng lợn Bản đạt khoảng 20kg; lợn nội khác đạt tối thiểu 50–55kg ở 7–8 tháng tuổi.	
Sinh lý động dục	- Chu kỳ động dục đều. - Tuổi động dục lần đầu phù hợp với đặc trưng giống.	- Chu kỳ động dục không đều, không rõ ràng. - Động dục quá muộn so với đặc trưng giống. - Khối lượng cơ thể nhỏ hơn mức tiêu chuẩn.



Hình 7. Các tiêu chuẩn ngoại hình khi chọn lợn nái Bản

6. Kỹ thuật chọn lợn đực giống

Tiêu chuẩn chọn

- Nguồn gốc:

- + Từ những cơ sở được phép cung cấp giống, có lý lịch rõ ràng
- + Từ những cặp bố mẹ có năng suất cao

- Ngoại hình:

- + Không có khuyết tật, thân hình phát triển cân đối, khỏe mạnh
- + Lông da mịn, mông nở, 4 chân khỏe vững chắc, móng tốt
- + Lợn nhanh nhẹn, mắt tinh nhanh

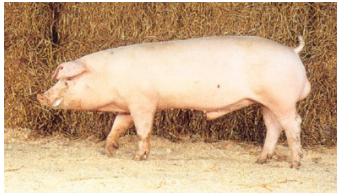
- + Có từ 12 vú trở lên, không có vú kẹp, vú đều, lộ rõ
- + Dịch hoàn cân đối, nổi rõ, gọn, chắc, không chảy xệ.

- Năng suất:

+ Tăng trọng > 650 g/ngày

+ TTTA: 2,8–3,0 kg/kg

+ DML < 15 mm (nạc cao)



Lợn đực giống có ngoại hình
đạt yêu cầu

